TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Thông báo dời phiên tòa số 15/2023/TB-TA ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Q, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 27/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích Q trình bày:

Chị Q và anh T bắt đầu chung sống năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến tháng 4/2022 thì đã sống ly thân cho đến nay. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 19/02/2010 và Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 24/01/2017, hiện cả 02 con đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về thời gian chung sống và giữa vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến tháng 3/2022 thì đã sống ly thân đến nay. Chị Q yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị Q trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Anh T; anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Kim Y; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng; tại phiên tòa chị Q và anh T thống nhất ly hôn nên đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh T.

Đề nghị công nhận thỏa thuận giữa chị Q và anh T về việc giao cháu Nguyễn Thị Anh T cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim Y đã sống ổn định với chị Q nên đề nghị tiếp tục giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Q yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nên đây là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62/2012 ngày 17/7/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Q và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Chị Q và anh T sống ly thân đã lâu và tại Tòa án đều thống nhất đề nghị giải quyết cho ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Về nuôi con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Anh T và Nguyễn Thị Kim Y.

Tại phiên tòa, chị Q và anh T tự thỏa thuận là chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; ..."*. Thấy rằng, sự thỏa thuận giữa chị Q và anh T là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận là giao cháu T cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Y thì cả chị Q, anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ..."*. Tại phiên tòa, anh T trình bày điều kiện nuôi con của mình là tốt hơn nhưng anh không có gì chứng minh; anh T cũng không chứng minh được là chị Q không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y. Theo xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương thì hiện cháu Y đang sống chung với chị Q và anh T cũng thừa nhận điều này. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y mà giao cháu Y cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng nhằm tạo điều kiện cho cháu Y có cuộc sống ổn định, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q chưa có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Q, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Do chị Q và anh T đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên chị Q và anh T phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định).

[6] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích Q và anh Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Bích Q và anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 19/02/2010 cho chị Nguyễn Thị Bích Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 24/01/2017 cho chị Nguyễn Thị Bích Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Bích Q phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026971 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị Q được hoàn lại 225.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Bích Q, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Phú